

Bản án số: 29/2020/DS-PT  
Ngày 01 tháng 7 năm 2020.  
V/v: “Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thành  
*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Đông  
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh K:** Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020, về việc “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C1, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh K, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Xuân N - sinh năm 1972.

Nơi cư trú: 28 đường 10, khu phố 4, phường L, quận T, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đỗ Minh T- sinh năm 1974.

Nơi cư trú: 53/6/1 đường 18, khu phố 5, phường L, quận T, thành phố H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T1 - sinh năm 1970.

Nơi cư trú: 46 đường 339, phường B, quận 9, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Tường L - sinh năm 1984.

Nơi cư trú: STH26.03 đường 18A khu đô thị L II, thành phố N1, tỉnh K. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu L1 - sinh năm 1945

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, thành phố C1, tỉnh K.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tường L - sinh năm 1984.

Nơi cư trú: STH26.03 đường 18A khu đô thị L II, thành phố N1, tỉnh K. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu T1 - Bị đơn.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị Xuân N - ủy quyền cho ông Lê Đỗ Minh T trình bày:*

Năm 2017, bà Vũ Thị Xuân N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Huỳnh Đức T2, bà Phan Thị T3 thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11, có diện tích 1553,9 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn B1, C, C1, tỉnh K. Sau đó, bà N thực hiện các thủ tục và được Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 976203, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00338 ngày 18 tháng 4 năm 2017 đối với thửa đất số 28 trên. Vào tháng 8 năm 2018, bà N phát hiện ra ông Nguyễn Hữu L1 đã tự ý xây dựng nhà và bờ kè lấn sang phần đất của bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên với tổng diện tích lấn chiếm theo kê đo thực tế của Tòa án là 133,2m<sup>2</sup>. Bà N đã thông báo và yêu cầu ông L1 tháo dỡ phần nhà và công trình đã xây lấn trên phần đất của bà N nhưng ông L1 không thực hiện. Bà N đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C giải quyết và được hòa giải vào ngày 20 tháng 9 năm 2018 nhưng không hòa giải được nên bà đã khởi kiện tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N phát hiện ra ông Nguyễn Hữu L1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông L1 trong đó có phần diện tích đất lấn chiếm của bà N trên cho ông Nguyễn Hữu T1.

Nay bà Vũ Thị Xuân N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 và ông L1 tháo dỡ một phần nhà và công trình xây dựng trên đất của bà N và trả lại cho bà N quyền sử dụng diện tích đất 133,2m<sup>2</sup> (ký hiệu A trong Trích lục bản đồ địa chính số 09/2019/TLBĐ ngày 30/8/2019) tọa lạc tại thôn B1, xã C, thành phố C1, tỉnh K

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 - ủy quyền cho ông Nguyễn Tường L trình bày:*

Ông Nguyễn Hữu T1 không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị Xuân N nêu trên. Vụ án trên chưa đủ điều kiện thụ lý vì chưa hòa giải tại cấp xã, phường đối với ông Nguyễn Hữu T1, thành phần hòa giải không đủ theo quy định. Diện tích đất thuộc thửa 27, tờ bản đồ 11 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 không đúng với diện tích ông L1 mua từ bà Trương Thị M vào năm 2011, hai bên thỏa thuận mua bán bằng giấy viết tay có xác nhận của chính quyền địa phương. Thực tế, ranh giới giữa hai thửa 27, 28 đã xây tường rào từ trước có hình ảnh từ năm 2015, năm 2017 do mưa bão tường rào bị sụt lún nên đã xây dựng lại trên bức tường cũ. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông L1, ông T1 vẫn nhờ ông L1 quản lý, trông coi nhà, đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HC10120 cấp cho ông T1 thì bà N đã lấn qua diện tích đất của ông

T1 1,26m. Ông T1 yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 976203, sổ vào sổ CH 00338 ngày 18/4/2017 đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11, có diện tích 1553,9 toạ lạc tại thôn B1, xã C, thành phố C1 của Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp cho bà Vũ Thị Xuân N.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu L1 - ủy quyền cho ông Nguyễn Tường L trình bày:*

Thông nhất với ý kiến của ông Nguyễn Hữu T1.

*\* Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp:*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số: CH 976203, sổ vào sổ cấp GCN: CH100338 ngày 18 tháng 4 năm 2017 do UBND thành phố C1 cấp cho bà Vũ Thị Xuân N đối với diện tích đất 1553,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11 toạ lạc tại Thôn B1, xã C, thành phố C1 (bản photo có chứng thực); Thông báo số 597/TB-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018; Biên bản bàn giao mốc ngày 14 tháng 8 năm 2018 (bản photo có đối chiếu với bản chính); Giấy chứng minh nhân dân đứng tên bà N (bản photo).

*\* Tài liệu chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu L1 giao nộp:*

Giấy sang nhượng đất giữa ông Nguyễn Hữu L1 và bà Trương Thị M vào 2011; Bản ảnh chụp tường rào năm 2015.

*\* Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:*

Các biên bản xác minh ngày 19 tháng 02 năm 2019, ngày 26 tháng 3 năm 2019, ngày 26 tháng 9 năm 2019, ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại Ủy ban nhân xã C, thành phố C1; Biên bản xác minh ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố C1; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 976203, sổ vào sổ CH 00338 ngày 18 tháng 4 năm 2017 đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp cho bà Vũ Thị Xuân N; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số: BL 145854, sổ vào sổ cấp GCN: CH10120 ngày 12 tháng 02 năm 2014 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp cho ông Nguyễn Hữu L1; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản của Tòa án nhân dân thành phố C1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố C1, tỉnh K đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị Xuân N. Buộc ông Nguyễn Hữu T1, ông Nguyễn Hữu L1 phải tháo dỡ một phần diện tích xây dựng 53,9m<sup>2</sup> của căn nhà một tầng có cấu trúc khung cột bê tông cốt thép, móng đá chẻ, tường gạch dày 20cm, nền lát gạch ceramic, cửa sổ, cửa đi bằng nhôm kính, mái trước bê tông cốt thép, mặt trước ốp lát trang trí gạch hoa, tường sơn nước, bệ vệ sinh hoàn chỉnh, điện nước hoàn chỉnh, mái lợp tôn giả ngói; tháo dỡ tường rào móng đá chẻ 0,5 lớp kết hợp song sắt phía trên, chiều cao 02m, chiều dài 3,1m; tháo dỡ kè tường xây đá chẻ dày khoảng 60cm, đoạn cao 73cm: dài 4,4m, đoạn cao 150cm:

dài 4,5m, đoạn cao 2,75m: dài 10m trả lại cho bà Vũ Thị Xuân N quyền sử dụng 133,2m<sup>2</sup> đất (có ký hiệu A trong Trích lục bản đồ địa chính số 09/2019/TLBĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, đo vẽ ngày 26 tháng 3 năm 2019), tọa lạc tại thôn B1, xã C, thành phố C1, tỉnh K thuộc một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH976203, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00338 ngày 18 tháng 4 năm 2017 do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp cho bà Vũ Thị Xuân N.

2. Về lệ phí thẩm định tại chỗ, kê đo định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu lệ phí kê đo định giá tài sản và đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T1 phải nộp 24.240.246 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn hai trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Vũ Thị Xuân N 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Vũ Thị Xuân N đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000239 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quy định về quyền kháng cáo.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, ông Nguyễn Hữu T1 kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T1 là ông Nguyễn Tường L giữ nguyên kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm vì: Thông báo Thụ lý số 11/2019/TB-TLVA ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C1 thì bị đơn là ông Nguyễn Hữu L1; Tòa án nhân dân thành phố C1 xác định lại tư cách người tham gia tố tụng ông Nguyễn Hữu T1 là bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì bà Vũ Thị Xuân N không có đơn khởi kiện ông T1 và ông T1 là người sử dụng đất hợp pháp nhưng chưa hòa giải tại địa phương. Biên bản hòa giải nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không đúng thành phần theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về thành phần Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Đỗ Minh T đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông là ông Nguyễn Tường L đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bị đơn và hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu ý kiến:

Thủ tục tố tụng dân sự phúc thẩm đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng dân sự sơ thẩm: Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã C thể hiện thành phần tham gia cuộc

hợp không có đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 202 Luật đất đai, điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; ông Lê Đỗ Minh T đại diện cho bà Vũ Thị Xuân N nhưng không có giấy ủy quyền tham gia hòa giải; Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Hữu L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Hữu T1 là bị đơn, ông T1 chưa hòa giải tranh chấp đất đai với bà N nhưng lại buộc ông T1 trả lại quyền sử dụng đất là vi phạm Điều 202 Luật đất đai và điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không đo vẽ tổng thể thửa đất số 27 tờ bản đồ số 11 tại xã C, thành phố C1, tỉnh K; không làm rõ thời điểm xây dựng căn nhà và bức tường rào làm ranh giới giữa hai thửa đất 27 và 28; tuyên tháo dỡ một phần diện tích xây dựng đối với căn nhà cấp 4 có diện tích 53,9 m<sup>2</sup> ảnh hưởng đến kết cấu phần diện tích xây dựng còn lại của căn nhà gây thiệt hại đến quyền lợi của ông T1.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố C1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Hữu T1 kháng cáo bản án sơ thẩm và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định, nên nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T1 được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều xác định không nộp thêm tài liệu chứng cứ so với giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[3] Tại đơn khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 21 tháng 12 năm 2018 và đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2019, bà Vũ Thị Xuân N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu L1 tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên phần đất lấn chiếm và trả lại nguyên trạng đất cho bà. Ngày 22 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố C1 Thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự số 11/2019/TB-TLVA về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, xác định bà Vũ Thị Xuân N là nguyên đơn và ông Nguyễn Hữu L1 là bị đơn. Tại đơn trình bày ngày 11 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn bà Vũ Thị Xuân N trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi Tòa án tiến hành kê đo, định giá tài sản là nhà đất tranh chấp xong, bà N phát hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL145854, số vào sổ cấp GCN-CH10120 ngày 12 tháng 02 năm 2014 do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp cho ông Nguyễn Hữu L1, tại phần thay đổi sau khi cấp giấy có nội dung chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T1 và được xác nhận ngày 11 tháng 10 năm 2018. Ngày 22 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố C1 Thông báo thụ lý vụ án dân sự bổ sung số 11/2019/TB-TLVA, xác định ông Nguyễn Hữu T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân

thành phố C1 xác định quan hệ tranh chấp là “quyền sử dụng đất”; xác định bà Vũ Thị Xuân N là nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu L1 là bị đơn và ông Nguyễn Hữu T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngày 16 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố C1 ban hành Thông báo thay đổi tư cách người tham gia tố tụng, xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Hữu T1 là bị đơn, ông Nguyễn Hữu L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố C1 xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Vũ Thị Xuân N là nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu T1 là bị đơn, ông Nguyễn Hữu L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thay đổi quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “đòi lại tài sản”.

[4] Bà Vũ Thị Xuân N không có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Hữu T1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thay đổi tư cách người tham gia tố tụng, xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Hữu T1 là bị đơn, ông Nguyễn Hữu L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; việc thay đổi địa vị tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Thông báo về việc thụ lý vụ án, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì tranh chấp giữa các đương sự là quyền sử dụng đất; Hội đồng xét xử sơ thẩm ra bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản là không có căn cứ. Tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất giữa bà N và ông T1 chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T1 phải tháo dỡ một phần diện tích xây dựng 53,9m<sup>2</sup> của căn nhà một tầng và trả lại cho bà Vũ Thị Xuân N quyền sử dụng 133,2m<sup>2</sup> đất là vi phạm điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Hữu T1 phải tháo dỡ một phần diện tích xây dựng 53,9 m<sup>2</sup> của căn nhà một tầng có cấu trúc khung cột bê tông cốt thép, móng đá chẻ, tường gạch dày 20 cm, nền lát gạch ceramic, cửa sổ, cửa đi lại bằng nhôm kính, mái trước bê tông cốt thép, mặt trước ốp lát trang trí gạch hoa, tường sơn nước, bệ vệ sinh hoàn chỉnh, điện nước hoàn chỉnh, mái lợp tôn giả ngói, là ảnh hưởng đến kết cấu, giá trị sử dụng của cả căn nhà gây thiệt hại đến quyền lợi của ông T1.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố C1 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C1, tỉnh K đối với vụ án “Đòi lại tài

sản”, giữa: Nguyên đơn bà Vũ Thị Xuân N và bị đơn ông Nguyễn Hữu T1.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố C1, tỉnh K giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu T1 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/000885 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C1, tỉnh K.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh K;
- TAND thành phố CR;
- Chi cục THA dân sự thành phố CR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC  
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Thành**